

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS - PT

Ngày: 01/02/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giêng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 143/2020/TLPT - DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2020/QĐPT - DS ngày 30/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐ - PT ngày 25/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Võ Hoàng H, sinh năm 1965. (Có mặt)

1.2. Bà Trịnh Mỹ L, sinh năm 1967. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện M, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Bà Võ Kim N, sinh năm 1975. (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Ấp D, xã V, huyện M, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở hiện nay: Số B, khu vực T, phường T, quận R, thành phố C.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1957. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện M, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Võ Hoàng H và bà Trịnh Mỹ L trình bày:

Năm 2004 vợ chồng ông H có cho bà Võ Kim N mượn 01 chỉ vàng 24K (loại 9999) và 5.500.000 đồng. Bà N hẹn khoảng 05 đến 06 tháng sẽ trả lại, nhưng bà N không thực hiện và kéo dài cho đến nay.

Năm 2005 vợ chồng ông H có cho bà N vay tiền và vàng nhiều đợt, cụ thể như sau:

Đợt 1: Vào tháng 02/2005 vợ chồng ông H có cho bà N vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 01%/tháng, thỏa thuận khoảng 05 đến 06 tháng sẽ trả lại. Bà N có đóng lãi được 04 tháng thì ngưng cho đến nay.

Đợt 2: Vào tháng 6/2005 vợ chồng ông H có đứng ra hỏi của bà Nguyễn Cẩm T giùm bà Võ Kim N số vàng là 10 chỉ vàng (loại SJC), lãi suất 5%/tháng, thỏa thuận khoảng 05 đến 06 tháng sẽ trả lại. Bà N có đóng lãi cho bà T được 03 tháng thì ngưng không đóng nữa. Khoảng 01 năm sau thì vợ chồng ông H đứng ra trả số vàng trên cho bà N. Do là chỗ anh em nên khi cho mượn cũng như cho vay thì chỉ nói miệng, không làm giấy tờ gì.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Kim N có trách nhiệm trả lại số vàng và tiền này cho nguyên đơn. Số vàng và tiền cho mượn thì nguyên đơn chỉ yêu cầu trả vốn, không yêu cầu tính lãi. Đối với số vàng và tiền cho vay thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày cho vay cho đến khi xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Kim N không đồng ý cung cấp lời khai cho Tòa án và cố tình vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và

hòa giải cũng như phiên đối chất nên Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của bị đơn bà Võ Kim N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Võ Kim N thừa nhận có nhận 10 chỉ vàng (loại SJC) từ bà Nguyễn Cẩm T, bị đơn cho rằng trước đây mẹ của bị đơn có cho 01 cái nền nhà nhưng bị đơn không nhận nên mẹ của bà yêu cầu ông H đưa cho bà 10 chỉ vàng (loại SJC), nhưng do lúc này ông H không có vàng để giao cho bà nên ông H đi hỏi tiền của bà T đưa cho bị đơn chứ thực tế bị đơn không có nhờ ông H hỏi vàng giùm cũng như không nợ bất cứ khoản tiền và vàng nào của nguyên đơn như phía nguyên đơn trình bày.

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Cẩm T trình bày:

Vào tháng 02/2005, ông Võ Hoàng H có lại hỏi bà vay 01 cây vàng SJC giùm cho bà Võ Kim N, khi vay không có làm giấy tờ gì. Sau đó vài ngày thì bà Võ Kim N có đến gặp bà lấy 01 cây vàng SJC. Khi vay thì ông H trực tiếp đóng lời cho bà được 03 tháng với số tiền là 600.000 đồng. Khoảng vài tháng đến 01 năm thì ông H đã trả cho bà 01 cây vàng trên.

Nay ông H và bà N tranh chấp với nhau thì bà T không có yêu cầu gì do số vàng trên ông H đã trả cho bà T.

Người làm chứng anh Nguyễn Anh K trình bày:

Anh K chỉ ở cùng xóm chứ không có quan hệ gì với ông H và bà Nhãn.

Ngày 11/10/2016 tại nhà văn hóa Ấp D, xã V. Tổ hòa giải Ấp D có tiến hành hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản giữa bà Võ Kim N và ông Võ Hoàng H, khi đó anh K là thư ký tổ hòa giải. Trong buổi hòa giải thì ông H đồng ý chia cho bà N 5.000m² nhưng bà N không đồng ý, bà N yêu cầu ông H chia cho bà N 10.000m². Cũng trong buổi hòa giải ông H có trình bày về số tiền và vàng mà bà N còn nợ cụ thể như sau:

Tháng 12/2004 bà N mượn của ông H 04 lần, tổng cộng là 5.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Tháng 02/2005 bà N hỏi tiền của ông H là 15.000.000 đồng

Tháng 6/2005 ông H có đứng ra hỏi của bà Nguyễn Cẩm T giùm bà Võ Kim N số vàng là 10 chỉ vàng 24K (loại SJC).

Trước tổ hòa giải bà N thừa nhận có thiếu tiền và vàng như ông H trình bày. Do hiện tại chưa có tiền nên bà N hứa khi nào có tiền sẽ trả. Do buổi hòa giải ngày 11/10/2016 chỉ hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản nên chủ tọa là ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu không ghi vào biên bản và yêu cầu ông H làm đơn yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

Người làm chứng anh Nguyễn Hoàng V trình bày:

Anh V chỉ ở cùng xóm chứ không có quan hệ gì với ông H và bà N.

Ngày 11/10/2016 tại nhà văn hóa Ấp D, xã V. Tổ hòa giải Ấp D có tiến hành hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản giữa bà Võ Kim N và ông Võ Hoàng H, khi đó anh V là tổ trưởng tổ hòa giải. Trong buổi hòa giải thì ông H đồng ý chia cho bà N 5.000m² nhưng bà N không đồng ý, bà N yêu cầu ông H chia cho bà N 10.000m². Cũng trong buổi hòa giải ông H có trình bày về số tiền và vàng mà bà N còn nợ cụ thể như sau:

Tháng 12/2004 bà N mượn của ông H 04 lần, tổng cộng là 5.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Tháng 02/2005 bà N hỏi tiền của ông H là 15.000.000 đồng

Tháng 6/2005 ông H có đứng ra hỏi của bà Nguyễn Cẩm T giùm bà Võ Kim N số vàng là 10 chỉ vàng 24K (loại SJC).

Trước tổ hòa giải bà N thừa nhận có thiếu tiền và vàng như ông H trình bày. Do hiện tại chưa có tiền nên bà N hứa khi nào có tiền sẽ trả. Do buổi hòa giải ngày 11/10/2016 chỉ hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản nên anh V yêu cầu không ghi vào biên bản và yêu cầu ông H làm đơn yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

Người làm chứng ông Bùi Trung B trình bày:

Ông B chỉ ở cùng xóm chứ không có quan hệ gì với ông H và bà N.

Ngày 11/10/2016 tại nhà văn hóa Ấp D, xã V. Tổ hòa giải Ấp D có tiến hành hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản giữa bà Võ Kim N và ông Võ Hoàng H, khi đó ông B là thành viên tổ hòa giải. Trong buổi hòa giải thì ông H đồng ý chia cho bà N 5.000m² nhưng bà N không đồng ý, bà N yêu cầu ông H chia cho bà N 10.000m². Cũng trong buổi hòa giải ông H có trình bày về số tiền và vàng mà bà N còn nợ cụ thể như sau:

Tháng 12/2004 bà N mượn của ông H 04 lần, tổng cộng là 5.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Tháng 02/2005 bà N hỏi tiền của ông H là 15.000.000 đồng

Tháng 6/2005 ông H có đứng ra hỏi của bà Nguyễn Cẩm T giúp bà Võ Kim N số vàng là 10 chỉ vàng 24K (loại SJC).

Trước tổ hòa giải bà N thừa nhận có thiếu tiền và vàng như ông H trình bày. Do hiện tại chưa có tiền nên bà N hứa khi nào có tiền sẽ trả. Do buổi hòa giải ngày 11/10/2016 chỉ hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản nên chủ tọa là ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu không ghi vào biên bản và yêu cầu ông H làm đơn yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

Người làm chứng anh Phạm Thanh K trình bày:

Anh K chỉ ở cùng xóm chứ không có quan hệ gì với ông H và bà N.

Ngày 11/10/2016 tại nhà văn hóa Ấp D, xã V. Tổ hòa giải Ấp D có tiến hành hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản giữa bà Võ Kim N và ông Võ Hoàng H, khi đó anh K là thành viên tổ hòa giải. Trong buổi hòa giải thì ông H đồng ý chia cho bà N 5.000m² nhưng bà N không đồng ý, bà N yêu cầu ông H chia cho bà N 10.000m². Cũng trong buổi hòa giải ông H có trình bày về số tiền và vàng mà bà N còn nợ cụ thể như sau:

Tháng 12/2004 bà N mượn của ông H 04 lần, tổng cộng là 5.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Tháng 02/2005 bà N hỏi tiền của ông H là 15.000.000 đồng

Tháng 6/2005 ông H có đứng ra hỏi của bà Nguyễn Cẩm T giúp bà Võ Kim N số vàng là 10 chỉ vàng 24K (loại SJC).

Trước tổ hòa giải bà N thừa nhận có thiếu tiền và vàng như ông H trình bày. Do hiện tại chưa có tiền nên bà N hứa khi nào có tiền sẽ trả. Do buổi hòa giải ngày 11/10/2016 chỉ hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản nên chủ tọa là ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu không ghi vào biên bản và yêu cầu ông H làm đơn yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

Người làm chứng ông Trương Văn Lào trình bày:

Ngày 11/10/2016 tại nhà văn hóa Ấp D, xã V. Tổ hòa giải Ấp D có tiến hành hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản giữa bà Võ Kim N và ông Võ Hoàng H.

Trong buổi hòa giải thì ông H đồng ý chia cho bà N 5.000m² nhưng bà N không đồng ý, bà N yêu cầu ông H chia cho bà N 10.000m². Cũng trong buổi hòa giải ông H có trình bày về số tiền và vàng mà bà N còn nợ cụ thể như sau:

Tháng 12/2004 bà N mượn của ông H 04 lần, tổng cộng là 5.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Tháng 02/2005 bà N hỏi tiền của ông H là 15.000.000 đồng

Tháng 6/2005 ông H có đứng ra hỏi của bà Nguyễn Cẩm T giùm bà Võ Kim N số vàng là 10 chỉ vàng 24K (loại SJC).

Trước tổ hòa giải bà N thừa nhận có thiếu tiền và vàng như ông H trình bày. Do hiện tại chưa có tiền nên bà N hứa khi nào có tiền sẽ trả. Do buổi hòa giải ngày 11/10/2016 chỉ hòa giải tranh chấp về thừa kế tài sản nên chủ tọa là ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu không ghi vào biên bản và yêu cầu ông H làm đơn yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 107/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Hoàng H, Trịnh Mỹ L đối với bị đơn Võ Kim N.

Buộc bị đơn Võ Kim N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Võ Hoàng H, Trịnh Mỹ L 10 chỉ vàng (loại SJC).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn bà Võ Kim N có đơn kháng cáo với nội dung:

Bà Võ Kim N không đồng ý với toàn bộ kết quả xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu hủy bỏ toàn bộ quyết định giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang. Bà không đồng ý trả nợ 10 chỉ vàng SJC cho nguyên đơn ông Võ Hoàng H và bà Trịnh Mỹ L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Kim N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Võ Hoàng H và bà Trịnh Mỹ L yêu cầu bị đơn bà Võ Kim N phải trả lại cho nguyên đơn số vàng và số tiền đã mượn của nguyên đơn. Bị đơn bà Võ Kim N có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp D, xã V, huyện M, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý theo quan hệ tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Võ Kim N có đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận có nhận 10 chỉ vàng SJC của bà Nguyễn Cẩm T, theo sự đồng ý của nguyên đơn ông Võ Hoàng H.

Mặt khác, tại biên bản lấy lời Ki của đương sự ngày 30/6/2020 (bút lục số 42), bà Nguyễn Cẩm T trình bày: “*Vào tháng 02 năm 2005 ông H có lại hỏi vay 01 cây vàng SJC dùm cho bà Võ Kim N, sau đó vài ngày thì bà N lại gặp bà lấy 01 cây vàng SJC*”, bà Cẩm T đã xác định ông Võ Hoàng H đã trả cho bà số vàng 01 cây vàng SJC này xong.

Bà Võ Kim N cho rằng số vàng này không phải ông H hỏi dùm bà, mà do mẹ của bà yêu cầu ông H đưa cho bà, nhưng ông H không có vàng nên ông H kêu bà qua nhà bà Cẩm T để nhận vàng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải*

thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, và tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Tại phiên tòa, bà N thừa nhận có nhận vàng của bà Nguyễn Cẩm T, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Cẩm T. Tuy nhiên, bà N không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc bà nhận vàng của bà Nguyễn Cẩm T là do mẹ của bà là bà Phan Thị L cho bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại 10 chỉ vàng SJC là phù hợp và có căn cứ, bà Võ Kim N kháng cáo không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Kim N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Hoàng H, bà Trịnh Mỹ L đối với bị đơn bà Võ Kim N.

Buộc bị đơn bà Võ Kim N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Võ Hoàng H, bà Trịnh Mỹ L 10 chỉ vàng SJC.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Nguyên đơn ông Võ Hoàng H, bà Trịnh Mỹ L phải chịu 2.341.875 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Khấu trừ 5.240.481 đồng (năm triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm tám mươi một đồng) nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0001581 lập ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn ông Võ Hoàng H và bà Trịnh Mỹ L được nhận lại 2.898.606 đồng (hai triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm linh sáu đồng).

2.2. Bị đơn bà Võ Kim N phải nộp 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hậu Giang

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Võ Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí bà Võ Kim N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001948 ngày 05/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 01/02/2021).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng